

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/09/2018**

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Giờ bay	Người	
1		MRM	7:25	2	0	0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/09/2018	FROM: VT	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:30
FLIGHT: <i>Cam</i>	TO: MRM	CREW: Trương - CÔNG	ETA: 10:40

ROUTE: VT - MRM - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
<b>SECTOR 1 : VT - MRM</b>								
1	NGUYỄN TRẦN VINH	XAYLAP	Vietnamese		54-55	2	20	65
2	PHẠM TUẤN KHANH	XAYLAP	Vietnamese		52-53	2	18	72
	PAX OUT	2	PAX IN	<i>876A</i>	WT:	4	38	137
	<b>TOTAL</b>	<b>2</b>						

## FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					

REMARK :

PAX WEIGHT	137
BAG WEIGHT	38
CARGO WEIGHT	0
<b>TOTAL</b>	<b>175</b>

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name & signature )

1. TOTAL OF PAX:

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN DDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD1	7:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
2		CLO+P7	9:25	3+13	0+0		8+14	0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/09/2018	TO: CLO - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - CHIEN - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN HUNG	CLO	99	1	6	15	71	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LY	CLO	21	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
3	VU MINH TU	CLO	96	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN HUU SON	CLO	95	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
5	MAI VAN HOI	CLO	98	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN KIM HUNG	CLO	94	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN BUI QUANG	CLO	22	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TUONG LONG	CLO	23	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN CONG PHU	CLO	97	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN BA LUONG	TD1	43	1	9	50	64	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VAN MINH	TD1	39	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG XUAN THANG	TD1	46	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
13	DANG VIET KHOI	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THIEU	TD1	45	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM DUC TUAN	TD1	44	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DANG KHOA	TD1	41	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN THIET	TD1	35	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	40	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
19	TRINH CAO TRONG	TD1	36-37	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
20	VU VAN DOANH	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
21	DO VAN PHAN	TD1	42	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
22	DO HOAI THANH	TD1	38	1	5		70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	9	9	50	661	15	9		
2	TD1	13	12	69	924	50	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>119</b>	<b>1.585</b>	<b>65</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>119</b>	<b>1.585</b>	<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL  
PAX CARGO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/09/2018	TO: CLO - P7	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - CHIEN - Luy	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THẾ TÂM	CLO	24-25	2	11		77	KHOAN	Vietnamese
2	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	27	1	10		58	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TIEN	CLO	26	1	6		67	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN SON ANH	P7	53	1	12		90	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI TRỌNG TRIU	P7	68	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LONG	P7	69-70	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO VAN TUAN	P7	61-62	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG THOA	P7	58	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN QUYÊN	P7	65-66	2	26		67	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM HUU MÂN	P7	63-64	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	LE PHUC HOANG	P7	54	1	10	15	82	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN MINH HOANG	P7	52	1	9		71	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN HUU TOAN	P7	57	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
14	HÒA QUANG THẮNG	P7	59-60	2	11		63	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN TUYẾN	P7	55-56	2	14		73	XAYLAP	Vietnamese
16	LE NHAT TAM	P7	51	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	4	27	202	0	7		
2	P7	13	19	173	915	15	15		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>23</b>	<b>200</b>	<b>1.117</b>	<b>15</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>200</b>	<b>1.117</b>	<b>15</b>			

GRAND TOAL: 1.332 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	22	0		22	0	
2		PPD+BK5	7:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
3		PVD2	7:25	22	0		22	0	
4		JS2+DD3	9:25	2+17	0+0		0+22	0+0	
5		BK3-P1-P4	9:25	16+0	0+0		18+4	0+0	CHUYEN KHACH BK3-P1
6		P2+P5	9:25	11+9	0+0		10+12	0+0	
7		PVD2+PPD+TD2	11:25	8+5+2	0+0+0		6+12+4	0+0+0	
8		RP3	11:25	16	0		22	0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2018	TO: TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - Năm	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A.	TD2	87	1	4	30	107	KHOAN	Russian
2	GUSHEYNOV M.A	TD2	93	1	9		80	KHOAN	Russian
3	CHU VAN HUNG	TD2	85	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HAI	TD2	94	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUU HONG	TD2					91	KHOAN	Vietnamese
6	VUONG DINH LIEN	TD2	84	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN BAC	TD2	96	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	DO VAN HUNG	TD2	92	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VAN LOI	TD2	90	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
10	MAI VAN HOANG	TD2	80	1	2		59	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN HAU	TD2	91	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGHIEM DINH TUAN	TD2	95	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
13	VU XUAN TRUONG	TD2	86	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	DOAN VAN KHUU	TD2	78	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
15	LE NGOC LUAN	TD2	83	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
16	BUI ANH TUAN	TD2	82	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG HUE	TD2	97	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG ANH TU	TD2	88	1	6		80	NIPI	Vietnamese
19	TRAN QUANG MINH	TD2	89	1	7		72	NIPI	Vietnamese
20	DUONG VAN PHI	TD2	79	1	5		54	GETRACO	Vietnamese
21	TRAN DUC THE	TD2	77	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
22	DAU VAN XUAN	TD2	81	1	3		62	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	21	122	1.543	30	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>21</b>	<b>122</b>	<b>1.543</b>	<b>30</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>122</b>	<b>1.543</b>	<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

CARGO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2018	TO: PPD - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LBình - MTHAO - PTUÁN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV I.M	PPD	80-81	2	10		71	KH-THAC	Russian
2	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	77,78	2	5		75	KHI	Vietnamese
3	OKOVANSEV G.P	PPD	98	1	15		110	KHI	Russian
4	ĐUƠNG CHI TUYẾN	PPD	76	1	5		67	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	73	1	5		76	KHI	Vietnamese
6	VÕ VĂN QUYẾN	PPD	72	1	5		67	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD					76	KHI	Vietnamese
8	TRÌNH VĂN CƯỜNG	PPD	97	1	5		67	KHI	Vietnamese
9	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	74	1	5		74	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	700	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	NGÔ SỸ THANH	PPD					72	KHI	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	82	1	10		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH HOÀNG	PPD	75	1	5		68	KHI	Vietnamese
14	LÊ TRUNG LÂN	PPD	96	1	5		81	KHI	Vietnamese
15	VŨ VĂN SÔNG	PPD	70	1	5		71	KHI	Vietnamese
16	NGÔ XUÂN HƯƠNG	PPD	71	1	5		75	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	79	1	5		75	KHI	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	99	1	5		74	KHI	Vietnamese
19	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	BK5	68	1	12	52	70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	18	100	1.344	0	21		
2	BK5	1	1	12	70	52	1		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>19</b>	<b>112</b>	<b>1.414</b>	<b>52</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>112</b>	<b>1.414</b>	<b>52</b>			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2018	TO: PVD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Văn - DUONG - Năm	ETA: 09:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE THANH BINH	PVD2	77	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
2	MAI DUONG TUNG	PVD2	74	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
3	LE VIET THUC	PVD2	76	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
4	WAYNE ELSOM	PVD2	72-73	2	17		92	KHOAN	British
5	NGUYEN KHAC DAO	PVD2	71	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THE VINH	PVD2	67	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
7	HO TRONG HUYEN	PVD2	200	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH LONG	PVD2	70	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	CU THANH NHAN	PVD2	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN NGOC KHANH	PVD2	68	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
11	VO THANH GAN	PVD2	65	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
12	VAN DUC MAI	PVD2	63	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HUNG	PVD2	61-62	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	66	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN DINH HAO	PVD2	64	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
16	VU XUAN TIEN	PVD2	75	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
17	LAI CAO THANH	PVD2	80	1	10	12	62	KHOAN	Vietnamese
18	MAI THE HIEN	PVD2	86-87	2	12		100	KHOAN	Vietnamese
19	DOAN BUU TAM	PVD2	88	1	9		110	KHOAN	Vietnamese
20	LE XUAN THINH	PVD2	83	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN QUANG UT	PVD2	81-82	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
22	BONNIE MURZELLO	PVD2	84-85	2	16		78	KHOAN	Indian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	27	187	1.659	12	22		
TOTAL		22	27	187	1.659	12	22		
WEIGHT KG				187	1.659	12			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2018	TO: JS2 - DD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - CHIEN - Luy	ETA: 11:10
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN Y	JS2	98	1	14	50	79	DVL	Vietnamese
2	ĐỖ PHI LONG	JS2	99	1	3		65	DVL	Vietnamese
3	BUI TRONG TOAN	DD3	65	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	BRIAN FRANCIS DONOHOE	DD3	47	1	12		82	KHOAN	British
5	DILBA KHAN	DD3	49	1	8		85	KHOAN	Indian
6	VIJAYAKUMAR MATTAPPILLY	DD3	45-46	2	15	35	90	KHOAN	Indian
7	ABDUL THALEB	DD3	56	1	5		79	KHOAN	Indonesian
8	HARYANTO	DD3	48	1	8		85	KHOAN	Indonesian
9	SYAHPUTRA SIMANJUNTAK	DD3	55	1	6		97	KHOAN	Indonesian
10	TRAN VAN BAO	DD3	50	1	13		72	KHOAN	Vietnamese
11	DINH HUY HOANG	DD3	59	1	8		54	KHOAN	Vietnamese
12	TRUONG CONG DIEN	DD3	52	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
13	DO ANH TUAN	DD3	54	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
14	VU VAN NAM	DD3	60	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM THE LONG	DD3	58	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN TIEN	DD3	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	TU DUONG HUNG	DD3	57	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THE VAN	DD3	53	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN KHANH TOAN	DD3	61-62	2	18		65	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	2	2	17	144	50	0		
2	DD3	17	19	133	1.277	35	22		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>21</b>	<b>150</b>	<b>1.421</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>150</b>	<b>1.421</b>	<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2018	TO: BK3 - P1 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LBinh - MTHAO - PTUAN	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAKIMENKO V.A	P4	81-82	2	14		105	KHI	Russian
2	ZAGUDAEV V.E	P4	83	1	3		75	KHI	Russian
3	NGUYEN VAN NAM	P4	73	1	3		62	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG HA	P4	75	1	3		67	KHI	Vietnamese
5	PHAM QUOC DUY	P4	72	1	3		60	KHI	Vietnamese
6	TRAN VAN PHUC	P4	84	1	5		71	KHI	Vietnamese
7	TRAN DAI	P4	70	1	6		73	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THINH	P4	71	1	6		74	KHI	Vietnamese
9	DUONG DINH HIEN	P4	74	1	5		68	KHI	Vietnamese
10	LE QUANG VINH	P4	69	1	6		65	KHI	Vietnamese
11	HOANG TRONG TAN	P4	67	1	5		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN LE HUY	P4	79-80	2	13		60	KHI	Vietnamese
13	PHAN HONG TAM	P4	76-78	3	16		59	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN DUC TRONG	P4	64-65	2	16	70	59	PSV	Vietnamese
15	TRAN TRUNG KIEN	P4	68	1	4		62	PSV	Vietnamese
16	LE VIET HUNG	P4	66	1	4		67	PSV	Vietnamese
17	ANSEROV	P4					80	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN HONG PHUC	P4	85	1	3		70	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 3 PAX TU BK3 SANG P1
2	P1	0	0	0	0	40	0	0	
3	P4	18	22	115	1.249	70	22	70	
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>22</b>	<b>115</b>	<b>1.249</b>	<b>110</b>	<b>22</b>	<b>70</b>	
<b>WEIGHT KG</b>				<b>115</b>	<b>1.249</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.474 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ARRIVAL

PAX CARGO

0

0

22

70



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2018	TO: P2 - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - <i>Chien</i> - Luy	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TUYẾT	P2	49	1	12		70	DVL	Vietnamese
2	VÕ CHÍ THANH	P2	48	1	9		75	DVL	Vietnamese
3	ĐÀO ANH HUYNH	P2	39	1	11		76	DVL	Vietnamese
4	LÊ QUỐC HUONG	P2	43	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC TIEM	P2	40	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
6	DUONG SY CHIEN	P2	42	1	13	40	67	XAYLAP	Vietnamese
7	LE VIET HUY	P2	47	1	13	55	62	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THAI	P2	44-45	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI TRỌNG HỘI	P2	41	1	9		69	XAYLAP	Vietnamese
10	HÀ MẠNH DUNG	P2	46	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
11	LÝ XUÂN TRUNG	P2	38	1	6		67	YTE	Vietnamese
12	QUÁCH VĂN TÔI	P5	86	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ VĂN HOA	P5	95	1	8		59	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN VĂN THANH	P5	90-91	2	9		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HÙNG	P5	87	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ NGỌC THANH	P5	92,96	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ VĂN QUÝ	P5	93	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TUAN LONG	P5	94	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÀO DANH THANH	P5	89	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẠU CAO KHANG	P5	88	1	7		52	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	11	12	124	761	95	10		
2	P5	9	11	76	588	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>23</b>	<b>200</b>	<b>1.349</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>200</b>	<b>1.349</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2018	TO: PVD2 - PPD - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Văn - MMinh - Năm	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN KHẮC HỢP	PVD2	90	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HUNG	PVD2	91	1	12	12	82	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC NGHĨA	PVD2	94-95	2	17		72	KHOAN	Vietnamese
4	TRỊNH VĂN KIẾN	PVD2	96-97	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
5	VƯƠNG KIẾN QUỐC	PVD2	89	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
6	NGO QUY THỊNH	PVD2	92	1	12		95	KHOAN	Vietnamese
7	MUSTA FA	PVD2	93	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN ĐĂNG HUY	PPD	84	1	8		70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC HOA	PPD	83	1	6		70	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHINH	TD2	08	1	4		50	GETRACO	Vietnamese
11	ĐINH ANH DUNG	TD2	09	1	4	80	70	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	7	9	80	524	12	6		
2	PPD	2	2	14	140	0	12		
3	TD2	2	2	8	120	80	4		
<b>TOTAL</b>		<b>11</b>	<b>13</b>	<b>102</b>	<b>784</b>	<b>92</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>102</b>	<b>784</b>	<b>92</b>			

GRAND TOAL: 978 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/09/2018	TO: RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hùng - LBinh - PTUAN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IREK VALEEV	RP3	25	1	5		81	KH-THAC	Russian
2	TA PHI KHANH	RP3					75	KHI	Vietnamese
3	HA VAN THUY	RP3	19-20	2	9		75	KHI	Vietnamese
4	LE NHU NGUYEN	RP3	26-27	2	10		59	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN KY	RP3	15	1	3		67	KHI	Vietnamese
6	PHAM QUOC KHANH	RP3	24	1	6		83	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN HAI	RP3	18	1	10		65	KHI	Russian
8	PALTSEV V.A	RP3	17	1	10		90	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN THANH TUNG	RP3					77	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN VIET KY	RP3	23	1	7		70	KHI	Vietnamese
11	LAI VAN MINH	RP3	22	1	3		63	KHI	Vietnamese
12	TRAN VIET BINH	RP3	14	1	3		56	PSV	Vietnamese
13	TRAN DUY HIEU	RP3	21	1	4		64	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN THANH SON	RP3	16	1	7		60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	14	77	985	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>14</b>	<b>77</b>	<b>985</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>77</b>	<b>985</b>	<b>0</b>			

GRAND TOTAL: 1.062 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/09/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TD5	7:25	12+10	0+0		7+15	0+0	
2		P6+TTC3+TTC1	7:25	12+5+5	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
3		TD3+CLO+RP3	7:25	15+3+4	0+0+0		15+0+7	0+0+0	
4		AMD+TD5	9:25	18+4	0+0		12+10	0+0	
5		P2+P3+TTC2	9:25	5+2+6	0+0+0		10+0+12	0+0+0	
6		P8+CTK3+DD3	9:25	13+4+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	
7		AMD+TGTH5	11:25	13+5	0+0		16+6	0+0	
8		TD1+TD3	11:25	6+13	0+0		4+18	0+0	
9		VSP01+P7+P6	13:25	9+1+12	0+0+0		8+1+13	0+0+0	
10		RC4+P10+VSP01	13:25	0+0+21	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ RC4-P10
11		MRM	13:45	13	0		12	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/1 AT ĐI P6 VỀ CHUYỂN CUỐI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: P8 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Thanh - HUNG - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN ĐÔNG	P8	90	1	7		80	YTE	Vietnamese
2	LAZAREV A.V	P8	94	1	10		90	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN VAN HONG	P8	87	1	5	100	62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN KIM CUONG	P8	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG HOA	P8	84	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET PHUONG	P8	88	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NHAN	P8	85	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHUNG HA TAI	P8	89	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM PHUONG NAM	P8	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN ANH TRI	P8	81-82	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO NGUYEN HUNG	P8					67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TANH	P8	86	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN HAI	TD5	99	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	ALEKSADROV A.A	TD5	97	1	5		90	KHOAN	Russian
15	NGUYEN XUAN THE	TD5	96	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN THIEU	TD5	92	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	MAI TRUONG TRUNG	TD5	94	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	NG XUAN THANH	TD5	90	1	5	40	70	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VAN HANH	TD5	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN LUAN	TD5	91	1	5	25	60	KHOAN	Vietnamese
21	DAO THANH SON	TD5	93	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VINH DUY	TD5	98	1	10		67	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	12	67	879	100	7		
2	TD5	10	10	55	713	65	15		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>122</b>	<b>1.592</b>	<b>165</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>122</b>	<b>1.592</b>	<b>165</b>			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: P6 - TTC3 - TTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYEN - LBinh - Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KAZIKOV	P6	57	1	6	32	100	ANTOAN	Russian
2	KIRICHENKO S.P	P6	51	1	6		75	KH-THAC	Russian
3	TRAN TRUNG HIEU	P6	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN HOAN	P6	59-60	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI TRONG BINH	P6	52	1	14	37	82	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG THỌ TAM	P6	50	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHUONG VAN MINH	P6	48	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU NHAN	P6	55	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NHAT THANH	P6	49	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HA DUY ĐONG	P6	53	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO VAN TUNG	P6	54	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG ĐINH HOA	P6	58	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU ĐỨC HUNG	TTC3				20	67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BAC	TTC3	69	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VAN KHUONG	TTC3	84	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRỌNG TÂN	TTC3	70	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN TRUNG KIEN	TTC3	68	1	5		69	PSV	Vietnamese
18	KOROGHLUYEV R.G	TTC1	66	1	8	45	70	KH-THAC	Russian
19	TRAN LINH HOAT	TTC1	65	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN SON TUNG	TTC1	69	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MANH CUONG	TTC1	67-68	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HUNG	TTC1					72	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	13	72	883	69	11		
2	TTC3	5	4	23	327	20	6		
3	TTC1	5	5	26	356	45	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>121</b>	<b>1.566</b>	<b>134</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>121</b>	<b>1.566</b>	<b>134</b>			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: TD3 - CLO - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - PTUÁN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOIEV M.M	TD3	78	1	12	54	94	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN HỮU MAI	TD3	82-83	2	18		68	NHA THAU	Vietnamese
3	PHẠM VĂN BÁT	TD3	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG MINH TOAN	TD3	88	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
5	TRANG NGOC HUNG	TD3	89	1	7		51	KHOAN	Vietnamese
6	ĐAO TIỀN THIẾT	TD3	92	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
7	LAI THÈ ĐẠT	TD3	91	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
8	ĐANG ĐÌNH PHÚC	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ MẠNH THĂNG	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	86	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD3	90	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD3	84	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG HOA	TD3	80-81	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN LỘC	TD3	87	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THẠCH	TD3	79	1	5		58	D-HANH	Vietnamese
16	LÊ HUY MẠNH	CLO	32	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUÝ TÀI	CLO	28-30	3	19	20	58	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐAM VĂN QUANG	CLO	31	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU VĂN HAY	RP3	30-31	2	14		82	XAYLAP	Vietnamese
20	NGO TRUNG KIEN	RP3	58-59	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN CAO CUÔNG	RP3	28-29	2	10	40	65	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ TƯ KHA	RP3	60-61	2	14	40	82	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	15	103	1.042	54	15		
2	CLO	3	5	36	202	20	0		
3	RP3	4	8	53	299	80	7		
TOTAL		22	28	192	1.543	154	22		
WEIGHT KG				192	1.543	154			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: AMD - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Thanh - HUNG - Luy	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN THAO	AMD	65	1	14	100	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TRUNG	AMD	61	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG CHI PHONG	AMD	67	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG THE HIEN	AMD	69	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC THACH	AMD	59	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	58	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ANH MINH	AMD	55	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
8	LIU QUY DON	AMD	63	1	4	14	71	KH-THAC	Vietnamese
9	LE PHONG VIEN (PVDT)	AMD	64	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM VAN QUANG	AMD	54	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO CONG BINH	AMD	56	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN DUC CUONG	AMD	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LA NGOC MANH (PVDT)	AMD	62	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN SAU	AMD	53	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	52	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN THUY (PVDT)	AMD	60	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DUC TRUNG	AMD	66	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VIET DUC	AMD	68	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
19	LE DUY TAN	TD5	87	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
20	HUYNH DINH DE	TD5	89	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
21	BAMBUROV E.H	TD5	90	1	12		98	KH-THAC	Russian
22	NGUYEN VAN MANH	TD5	88	1	9		60	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	18	107	1.203	114	12		
2	TD5	4	4	37	294	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>144</b>	<b>1.497</b>	<b>114</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>144</b>	<b>1.497</b>	<b>114</b>			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: P2 - P3 - TTC2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYEN - LBinh - Nam	ETA: 11:15
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KHAC TUAT	P2	55	1	8	85	73	XAYLAP	Vietnamese
2	LA TUAN LINH	P2	56	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC TINH	P2	57-58	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN NGOC TUAN ANH	P2	59	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
5	LE DINH TAM	P2	60	1	8		74	XAYLAP	Vietnamese
6	VU ANH TUAN	P3	81	1	7	15	67	CODIEN	Vietnamese
7	TRAN NAM TRUNG	P3	82	1	14		89	CODIEN	Vietnamese
8	PHUNG MINH HIEU	TTC2	87	1	4	55	78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC XUAN	TTC2	19	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
10	LE PHUONG	TTC2	01	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
11	LUU VAN AN	TTC2	89	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN CONG KHANH	TTC2	15	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUANG CANH	TTC2	14	1	5		67	PSY	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	5	6	56	361	85	10		
2	P3	2	2	21	156	15	0		
3	TTC2	6	6	32	403	55	12	15	
<b>TOTAL</b>		<b>13</b>	<b>14</b>	<b>109</b>	<b>920</b>	<b>155</b>	<b>22</b>	<b>15</b>	
<b>WEIGHT KG</b>				<b>109</b>	<b>920</b>	<b>155</b>			

GRAND TOAL: 1.184 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: P8 - CTK3 - DD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - CHIÊN - PTUÁN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THAI DUONG	P8	44	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	THAI QUAN	P8	99	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN THANH NAM	P8	400	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG TRI NAM	P8					80	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGUYEN NHAT LINH	P8					90	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUANG HUY	P8	42	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VINH DUNG	P8	37	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN VU	P8	41	1	5	21	56	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRI HUNG	P8	40	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN BA HOANG	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
11	LY THANH CHUONG	P8	39	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	DO VAN MINH	P8	43	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	VU HUU CHINH	P8	98	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN XUAN PHUC	CTK3					68	SAN BAY	Vietnamese
15	NGUYEN BINH LONG	CTK3	04	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM NGOC DINH	CTK3	06	1	6		77	XAY LAP	Vietnamese
17	NGUYEN DINH TIEN	CTK3	05	1	5		74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	13	10	62	892	21	15		
2	CTK3	4	3	16	299	40	4		
3	DD3	0	0	0	0	97	3		
<b>TOTAL</b>		<b>17</b>	<b>13</b>	<b>78</b>	<b>1.191</b>	<b>158</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>78</b>	<b>1.191</b>	<b>158</b>			

GRAND TOAL: 1.427 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Thanh - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN TRUNG KIEN	AMD	90	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VIET THANG	AMD	87	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TUAN ANH	AMD	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU DUC CHI	AMD	78	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
5	LE THANH TUNG	AMD	80	1	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DAN	AMD	85-86	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VINH	AMD	77	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MINH HAI	AMD	88-89	2	15	30	78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MINH VUONG	AMD	81-82	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THE QUANG	AMD	83-84	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	MARKO RISTIC	AMD	92-93	2	17		93	KH-THAC	SERBIAN
12	JOSUE HAGI	AMD	94-95	2	17		90	KH-THAC	Cameroon
13	SLOBODAN MEDAROVSKI	AMD	91	1	17		90	KH-THAC	SERBIAN
14	LE HUY HOANG	TGTH5	75	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY LAM	TGTH5	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	74	1	7	15	65	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN TU	TGTH5	71	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DINH CU	TGTH5	72	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	19	139	978	80	16		
2	TGTH5	5	5	36	335	15	6		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>24</b>	<b>175</b>	<b>1.313</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>175</b>	<b>1.313</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.583 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: TD1 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - Vũ	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC ANH	TD1	22	1	5		67	CODIEN	Vietnamese
2	ĐO TIEN DUNG	TD3	37,47	2	12	20	59	DVL	Vietnamese
3	HOANG GIANG LAM	TD3					85	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN DINH MUOI	TD3	22	1	4		76	PSV	Vietnamese
5	LUU QUY TRUNG	TD3	41	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEN	TD3	88	1	7		82	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VIET THANG	TD3	97	1	6		62	PSV	Vietnamese
8	HỒ SỸ THANH	TD3	38	1	4		57	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN	TD3	40	1	4		66	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LAP	TD3	85	1	3		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN HAI	TD3	98-99	2	8		60	PSV	Vietnamese
12	PHAN CHINH QUY	TD3	86	1	5		80	PSV	Vietnamese
13	LUONG MANH GIANG	TD3	96	1	6		64	PSV	Vietnamese
14	PHAN TA DIEP	TD3	39	1	5		51	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	1	1	5	67	0	4		
2	TD3	13	14	69	872	20	18		
<b>TOTAL</b>		<b>14</b>	<b>15</b>	<b>74</b>	<b>939</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>74</b>	<b>939</b>	<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.033 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: VSP01 - P7 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: HUNG - Thanh - Toan	ETA: 15:10
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ROMANOV	VSP01	500	1	8		102	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY	VSP01	40	1	15		86	KH-THAC	Russian
3	VU QUANG THANH	VSP01	39	1	7		68	YTE	Vietnamese
4	LE VAN LINH	VSP01	41	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN DUC	VSP01	98	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VAN SON	VSP01	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN CHAU	VSP01	99	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	600	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VAN THIEN	P7	51-52	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN HUY THAI	P6	06	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM NGOC AN	P6	14	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	P6	13	1	5	23	60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN BAO TOAN	P6	09-10	2	8		78	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG MINH	P6					77	KH-THAC	Vietnamese
15	LE QUANG HUY	P6	07	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	15	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG TIEN DUNG	P6	11	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN THUONG	P6	04-05	2	15	90	84	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIEN	P6	08	1	10	10	77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG PHUC	P6	17	1	10	57	92	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG CÔNG DANH	P6	16	1	10		82	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	8	8	54	586	0	8	23	
2	P7	1	2	17	57	0	1		
3	P6	12	13	91	911	180	13		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>23</b>	<b>162</b>	<b>1.554</b>	<b>180</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>162</b>	<b>1.554</b>	<b>180</b>			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: RC4 - P10 - VSP01	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - Vu	ETA: 15:15
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH HAI	VSP01	41	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THUY	VSP01					69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRỌNG THỨC	VSP01	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TOAN	VSP01	54-55	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	52-53	2	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TO HUNG DUNG	VSP01	58-59	2	12	40	60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VAN HUY	VSP01	56	1	10		68	ANTOAN	Vietnamese
9	LE THANH TUAN	VSP01	61	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE SY KHOI	VSP01					84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC THIÊN	VSP01	60	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THANH	VSP01	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH HA	VSP01	40	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MANH TUAN	VSP01	42	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN THUY	VSP01	63	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH TAN DUNG	VSP01	43-44	2	12		92	KH-THAC	Vietnamese
17	GIA QUANG CUONG	VSP01	47	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUY ĐÔNG	VSP01	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH LOI	VSP01	62	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRINH TIEN BINH	VSP01	50-51	2	10		87	KH-THAC	Vietnamese
21	NG. NGOC BE	VSP01	45-46	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 1 PAX RC4 SANG P10
2	P10	0	0	0	0	10	0		
3	VSP01	21	24	131	1.530	40	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>131</b>	<b>1.530</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>131</b>	<b>1.530</b>	<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2018	TO: MRM	AIRCRAFT: 620	ETD: 13:45
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: KIEN - Toàn	ETA: 17:00
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH SINH	MRM	63	1	11		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH TRUONG	MRM	60	1	13		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG HOANG	MRM	69	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
4	MAI THANH NAM	MRM	59	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
5	HUYNG VU TINH	MRM	58	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
6	LY NHAT TRUONG	MRM	61	1	14	38	77	KHOAN	Vietnamese
7	VO HUU NHAN	MRM	64-65	2	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRUONG SINH	MRM	68	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HAI DANG	MRM	67	1	17		80	KHOAN	Vietnamese
10	DAVUDOV DANIL	MRM	70	1	4		63	KHOAN	Russian
11	PHAM QUOC VIET	MRM	62	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN TRUNG HAU	MRM	66	1	7		75	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	13	113	853	38	12		
	TOTAL	12	13	113	853	38	12		
	WEIGHT KG			113	853	38			

GRAND TOAL: 1.004 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN